

Mobilgard™ 540

Dầu xy lanh được chế tạo đặc biệt để sử dụng với nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh 0.50%



Tính năng sản phẩm

Dầu xy lanh Mobilgard™ 540 được chế tạo đặc biệt để sử dụng cho động cơ hàng hải hai kỳ thấp tốc, hoạt động với nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh 0.50% nhằm tuân thủ theo các Quy định phát thải năm 2020 của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO).

Dầu đã được chế tạo bằng công thức cân bằng độc quyền của ExxonMobil. Dầu cũng đã thông qua các đánh giá nghiêm ngặt phù hợp để sử dụng. Giúp:

- **Chống tạo cặn và giảm mài mòn động cơ liên quan đến việc sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp**
- **Tăng tính tẩy rửa, giúp mang lại sự sạch sẽ tuyệt vời cho động cơ khi sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp**
- **Độ bền nhiệt và chống oxy hóa tuyệt vời giúp đảm bảo hiệu suất cho động cơ ngay cả trong điều kiện vận hành khắc nghiệt**

Mobilgard 540 đã được phê duyệt bởi **MAN ES and WinGD.**

Nhà chế tạo động cơ	Thư chấp nhận
MAN ES	✓
WinGD	✓

*Khi so sánh với dầu xy lanh tiêu chuẩn có độ kiềm 40BN và việc phân tích dầu cặn này không có giới hạn.

Lợi ích tiềm năng

Dầu xy lanh Mobilgard 540 giúp* :

- 1 Kéo dài tuổi thọ động cơ
- 2 Giảm thiểu việc bảo trì
- 3 Nâng cao độ tin cậy cho tàu

Thiết lập hiệu suất

Mobilgard 540 là một phần của dòng sản phẩm dầu xy lanh hiệu suất cao Mobilgard™. Được chế tạo để đáp ứng nhu cầu cụ thể cho động cơ hàng hải hai kỳ thấp tốc hoạt động với nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh 0.50%, trong đó có dòng nhiên liệu EMF.5TM của ExxonMobil. Được dựa trên hơn 60 năm kinh nghiệm về kỹ thuật và công nghệ bôi trơn.

Tối đa hóa tiết kiệm chi phí

Kiểm soát tình trạng xy lanh Mobil ServSM, được sử dụng cùng với Mobilgard 540, có thể giúp các nhà khai thác tàu tối ưu hóa mức cấp dầu xy lanh đồng thời cải thiện khả năng bảo vệ động cơ. Dịch vụ phân tích dầu trên tàu thế hệ tiếp theo có thể phát hiện ra vấn đề trước khi chúng trở nên nghiêm trọng, từ đó giúp tiết kiệm chi phí đáng kể.

Đặc tính tiêu biểu

Cấp độ nhớt SAE	50
Tỷ trọng ở 15°C	0.919
Điểm chớp cháy, °C, ASTM D 92	248
Điểm đông đặc, °C, ASTM D 97	-21
cSt, at 40°C	216
cSt, at 100°C	20
Chỉ số độ nhớt, ASTM D 2270	98
TBN, mg KOH/g, ASTM D 2896	40